TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/9/2025.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nông Thanh Tùy.

2/. Bà Mó Măng.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nông Thị Lường.

Là: Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*

Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2025. Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2025.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Trương Văn S, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là: Thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (Ông S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn**: Bà Cao Thị Thanh P, sinh năm: 1993.

Nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là: Thôn 5, xã T, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, bản tự khai ngày 14/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn S quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với bà Cao Thị Thanh P vào năm 2011, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk). Theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011, quyển số 01/2010, ngày 01/9/2011.

Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng vun đắp cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy ông S có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với bà Cao Thị Thanh P.

- Về con chung: Ông Trương Văn S xác nhận, trong thời gian chung sống ông S và bà P có 02 (hai) con chung, các cháu tên là Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016. Hiện nay (02) hai con chung đang sinh sống cùng với ông S nên ông S có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Văn S không yêu cầu bà Cao Thị Thanh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trương Văn S không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà P.

Ngày 05/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn bà Cao Thị Thanh P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trương Văn S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Cao Thị Thanh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương Văn S, cho ông Trương Văn S được ly hôn với bà Cao Thị Thanh P.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Giao các con chung là Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016 cho ông Trương Văn S trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập giải quyết.

Bà Cao Thị Thanh P được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Trương Văn S, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các bên đương sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trương Văn S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Cao Thị Thanh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Trương Văn S, bị đơn bà Cao Thị Thanh P.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn S và bà Cao Thị Thanh P quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là: UBND xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk). Theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011, quyển số 01/2010, ngày 01/9/2011. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn S và bà Cao Thị Thanh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp tính tình nhau, luôn bất đồng quan điểm sống với nhau, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải vun đắp cuộc sống gia đình nhưng vẫn không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Qua xác minh, làm việc với chính quyền địa phương đã xác định: Vợ chồng ông Trương Văn S, bà Cao Thị Thanh P cư trú tại thôn Thăng T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Thăng T, xã K, tỉnh Đắk Lắk). Trong quá trình chung sống tại địa P vợ chồng ông S và bà P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì ban tự quản thôn không nắm được, vì không có ai yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp hoặc hòa giải. Tuy nhiên, vợ chồng ông S, bà P đã sống ly thân với nhau từ năm 2017, bà P bỏ về nhà bố, mẹ đẻ để làm ăn sinh sống còn ông S đang sinh sống tại địa P cùng với 02 con, có nhà ở ổn định, công việc của ông S là làm nông nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào thì ban tự quản thôn không xác định được.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông Trương Văn S, bà Cao Thị Thanh P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án ông S có nguyện vọng về tình cảm là xin được ly hôn với bà P, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ông Trương Văn S được ly hôn với bà Cao Thị Thanh P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Trương Văn S, bà Cao Thị Thanh P có có 02 (hai) con chung, các cháu tên là Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016.

Ông S có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu là Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị Thanh P không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không xác định được nguyện vọng và yêu cầu của bà P về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao (02) hai con chung là Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016 cho ông Trương Văn S trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu M và P.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông S không yêu cầu bà Cao Thị Thanh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Cao Thị Thanh P được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 235 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trương Văn S được ly hôn với bà Cao Thị Thanh P.

[2] Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là cháu Trương Cao M, sinh ngày 17/02/2012 và cháu Trương Cao P, sinh ngày 01/4/2016 cho ông Trương Văn S trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu M và P đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Cao Thị Thanh P được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn ông Trương Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Trương Văn S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc (Nay là Phòng thi hành án dân sựu Khu vực 4 - Đắk Lắk) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003193, ngày 05/5/2025.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Văn S, bị đơn bà Cao Thị Thanh P (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk

- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Khu vực 4 - Đắk Lắk
- THADS tỉnh Đắk Lắk.
- Các đương sự;
- UBND xã Krông Pắc;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Phạm Hồng Trường